TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2023.
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Sơn và ông Cao Vũ Hải.

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã T tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 269/2022/TLST - HNGĐ ngày 02/12/2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/6/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kim T, sinh năm 1991 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986 (có mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn N, xã N, thị xã T, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

+ Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đức T - chức vụ: Phó phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã T - Chi nhánh tỉnh B (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1958 (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961(vắng mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn N, xã N, thị xã T, tỉnh B.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn K kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Kim T kết hôn với anh Nguyễn Văn K vào ngày 15/5/2013, trước khi cưới đôi bên có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B (nay là UBND xã N, thị xã T, tỉnh B). Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị T về chung sống cùng anh K ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc.

Theo chị T trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2021, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi, đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng nhất từ tháng 03/2022, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và do anh K ghen tuông vô cớ nên vợ chồng lại tiếp tục xảy ra việc đánh, cãi, chửi nhau. Do chán nản nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K càng sớm càng tốt.

Theo anh K trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2021, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng chỉ nói nhau nhưng không đánh, cãi, chửi gì. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng nhất từ tháng 03/2022, nguyên nhân là do anh biết được trong điện thoại của chị T có tin nhắn tình cảm của một đàn ông lạ nên tối hôm đó anh đề nghị vợ chồng ngủ riêng và sáng hôm sau chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T anh K đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Bách, sinh ngày 25/5/2016; hiện con chung do anh K đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T anh K thoả thuận giao cháu Bách cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T có quyền đi lại thăm nom con mà không ai có quyền cản trở, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T anh K đều xác định năm 2017 vợ chồng xây dựng được 01 ngôi nhà 02 tầng, 1 tum trên thửa đất số 548, tờ bản đố 10p, diện tích 213m^2 có địa chỉ tại: Thôn N, xã N, thị xã T, tỉnh B thuộc quyền sử dụng riêng của anh K. Quá trình chung sống vợ chồng có mua được 01 Wave BKS: 99F1-448.92 và 01 xe AIRBADE, BKS: 99F1-507.91; 01 bộ bàn ghế Âu Á; 01 ti vi SONY 65 inch, 01 tủ lạnh TOSHIBA. Ngoài ra không còn tài sản nào khác. Hiện chị T đang quản lý 01 xe máy AIRBADE, còn các tài sản khác anh K đang quản lý.

Về nợ chung: Chị T anh K thống nhất trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có nợ những khoản sau: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch thị xã T 62.000.000 đồng tiền nợ gốc, lãi suất phát sinh sẽ theo cách tính của Ngân hàng; nợ bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ anh K 50.000.000 đồng

và 12 chỉ vàng (đối với số vàng vay sẽ tính theo giá tại cửa hàng tư nhân tại thời điểm trả nợ); nợ ông Nguyễn Văn C là bố đẻ anh K 35.000.000 đồng; Ly hôn, chị T anh K đề nghị phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ theo quy định pháp luật.

Về công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: Chị T anh K không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ngày 16/02/2020, chị Dương Thị Kim T là đại diện chủ hộ làm hồ sơ đề nghị vay vốn và nhận tiền vay trực tiếp tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện T (nay là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch thị xã T) chương trình cho vay hộ nghèo, số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích vay để mua lợn nái sinh sản của gia đình, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/02/2025. Lãi suất tính đến ngày 12/7/2023 là 235.068 đồng.

Ngày 16/5/2020, chị Dương Thị Kim T là đại diện chủ hộ làm hồ sơ đề nghị vay vốn và nhận tiền vay trực tiếp tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện T (nay là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch thị xã T) chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường, số tiền vay 12.000.000 đồng, mục đích vay để mua lợn nái sinh sản của gia đình, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/4/2025. Lãi suất tính đến ngày 12/7/2023 là 76.932 đồng.

Đến nay chị T anh K chưa trả được đồng tiền gốc nào. Tính đến ngày 12/7/2023 chị T anh K còn nợ ngân hàng tổng cộng cả gốc và lãi của 02 khoản vay là 62.312.000 đồng.

Ông C trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn K, năm 2017 vợ chồng anh K chị T làm nhà, ông có cho vợ chồng anh K chị T vay số tiền 35.000.000 đồng. Số tiền này ông trả tiền mua vật liệu xây dựng và trả tiền công thợ hộ vợ chồng anh K. Số tiền này là tiền riêng của ông không liên quan gì đến bà C vợ ông. Khi cho vay vì là bố con trong gia đình nên ông và vợ chồng anh K không viết giấy tờ gì, không tính lãi suất và không có người làm chứng của việc cho vay. Đến nay toàn bộ số tiền trên vợ chồng anh K chị T chưa trả được cho ông được đồng nào. Nay vợ chồng anh K ly hôn, ông đề nghị Toà án giải quyết để buộc vợ chồng anh K phải trả ông toàn bộ số tiền trên.

Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn K, năm 2017 vợ chồng anh K chị T làm nhà, do thiếu tiền nên vợ chồng anh K chị T đã hỏi vay tiền và bà đã cho vợ chồng anh K chị T vay 12 chỉ vàng 9999 và 50.000.000 đồng tiền mặt. Khi vay vàng đôi bên thoả thuận khi nào trả thì sẽ tính theo giá trị vàng tại cửa hàng tư nhân để quy số vàng ra tiền để tính. Hiện tại giá vàng tại của hàng tư nhân là 5.660.000 đồng/1 chỉ vàng 9999. Tổng cộng là 117.920.000 đồng. Số

tiền và số vàng đều đưa trực tiếp cho chị T. Số vàng và tiền này là tài sản riêng của bà không liên quan gì đến ông C chồng bà. Khi cho vay vì là mẹ con trong gia đình nên bà và vợ chồng anh K không viết giấy tờ gì, không tính lãi suất và không có người làm chứng của việc cho vay. Đến nay toàn bộ số vàng và tiền trên vợ chồng anh K chị T chưa trả được cho bà được chỉ nào. Nay vợ chồng anh K ly hôn, tôi đề nghị Toà án giải quyết để buộc vợ chồng anh K phải trả bà toàn bộ số vàng quy ra tiền tính theo giá tại cửa hàng tư nhân tại thời điểm trả nợ (ngày xét xử).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Về cơ bản Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa. Tuy nhiên, Thẩm phán ra Thông báo về việc nộp tiền tạm ứng án phí yêu cầu nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí là 14.000.000 đồng đối với yêu cầu chia tài sản tổng giá trị khoảng 870.000.000 đồng là còn thiếu so với quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71,73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Yêu cầu Tòa án rút kinh nghiệm trong việc tính số tiền tạm ứng án phí có giá ngạch như đã nêu trên.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 147, 157, 165, 201, khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 27, 37, 51, 53, 55, 59, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Kim T và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Dương Thị Kim T và anh Nguyễn Văn K: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Bách, sinh ngày 25/5/2016 cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung:

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị T. Xác nhận 01 ngôi nhà cấp III loại 8, 02 tầng, 01 tum xây dựng trên một phần diện tích đất của thửa đất số 548, tờ bản đồ số 10P, diện tích 213 m^2 tại Thôn N xã N, thị xã T, tỉnh B; người

sử dụng thửa đất là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn N xã N, thị xã T, tỉnh B có giá là: 531.141.000 đồng; 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave BKS: 99F1- 448.92 mua năm 2018, có giá là 9.000.000 đồng; 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Airblade BKS: 99F1-507.91 mua năm 2019 có giá 26.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế Âu Á mua năm 2020 có giá 25.000.000 đồng; 01 tivi sony 65 Inch mua năm 2020 có giá 10.000.000 đồng; 01 tủ lạnh Toshiba mua năm 2017 có giá 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 604.141.000 đồng, là tài sản chung của chị T và anh K.

- Giao cho anh K được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp III loại 8, 02 tầng, 01 tum, xây dựng trên một phần diện tích đất của thửa đất số 548, tờ bản đồ số 10P, diện tích 213 m^2 tại Thôn N xã N, thị xã T, tỉnh B; người sử dụng thửa đất là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn Nghiễm Dương xã N, thị xã T, tỉnh B; 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave BKS: 99F1-448.92; 01 bộ bàn ghế Âu Á; 01 tivi sony 65 inch; 01 tủ lạnh Toshiba. Giao cho chị T được quyền sở hữu01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Airblade, BKS: 99F1-507.91.

- Buộc anh K có nghĩa vụ thanh toán trả chị T số tiền chênh lệch tài sản là 169.114.500 đồng. Chị T được nhận số tiền 169.114.500 đồng do anh K trả.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu K kiện của Ngân hành chính sách xã hội Việt Nam - chi nhánh B; của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C. Buộc anh K phải có nghĩa vụ trả ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến 12/7/2023 là 62.312.000 đồng, trả ông Nguyễn Văn C số tiền 35.000.000 đồng và trả bà Nguyễn Thị C số tiền 116.600.000 đồng. Tổng là 213.912.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Buộc chị T và anh K mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản. Xác nhận chị T đã nộp đủsố tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản. Anh K phải trả chị T số tiền 2.500.000 đồng chi phí xem xét vàthẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản mà chị T đã nộp.

6. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị T và anh K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch, án phí đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:Tại phiên toà hôm nay mặc dù những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm: Ông Nguyễn Đức T là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng CSXH Việt Nam và bà Nguyễn Thị C đều vắng mặt. Nhưng ông T và bà C đã được được giao nhận các văn bản tố tụng của Toà án. Ông T và bà C đã trình bày đầy đủ các nội dung với Toà án và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của ông T và bà C không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Kim T và anh Nguyễn Văn K kết hôn ngày 15/5/2013 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B (nay là UBND xã N, thị xã T, tỉnh B) theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị T anh K đều xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn từ cuối năm 2021 và ngày càng trầm trọng. Từ tháng 03/2022 đến nay chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị T K kiện xin ly hôn, anh K đồng ý ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn của chị T và anh K là phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xác nhận chị T, anh K đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Bách, sinh ngày 25/5/2016. Ly hôn, chị T anh K thoả thuận: Giao cháu Bách cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T có quyền đi lại thăm nom con mà không ai có quyền cản trở, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy, hiện cháu Bách đang do anh K nuôi dưỡng, cháu vẫn học tập và phát triển bình thường và cháu có nguyện vọng được ở với anh K. Vì vậy, sự thoả thuận về việc nuôi con của chị T anh K phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Do chị T anh K không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh K đều xác nhận vợ chồng anh chị có tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà cấp III loại 8, 02 tầng, 01 tum xây dựng trên thửa đất số 548, tờ bản đồ số 10P, diện tích 213 m^2 tại Thôn N xã N, thị xã T, tỉnh B; thuộc quyền sử dụng riêng của anh K, thửa đất mang tên chủ sử dụng đất: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn N xã N, thị xã T, tỉnh B; 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave BKS: 99F1-448.92; 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu AIRBADE, BKS: 99F1-507.91; 01 bộ bàn ghế Âu Á; 01 ti vi SONY 65 inch và 01 tủ lạnh TOSHIBA.

Theo biên bản định ngày 28/4/2023, Hội đồng định giá tài sản đã xác định số tài sản chung của chị T anh K có giá trị như sau: 01 ngôi nhà cấp III loại 8, 02 tầng, 01 tum xây dựng trên thửa đất số 548, tờ bản đồ số 10P, diện tích 213 m^2 tại Thôn N xã N, thị xã T, tỉnh B trị giá 531.141.000 đồng; 01 xe mô tô Wave BKS 99F1-448.92 mua năm 2018, trị giá 9.000.000 đồng; 01 xe mô tô Airblade BKS 99F1-507.91 mua năm 2019 trị giá 26.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế Âu Á mua năm 2020 trị giá 25.000.000 đồng; 01 tivi sony 65 inch mua năm 2020 trị giá 10.000.000 đồng; 01 tủ lạnh Toshiba mua năm 2017 trị giá 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của chị T anh K là 604.141.000 đồng.

[2.3.1] Về nợ chung: Chị T anh K đều xác định vợ chồng còn nợ gồm: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam gồm tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/7/2023 là 62.312.000 đồng, ông C 35.000.000 đồng và bà C 50.000.000 đồng và 12 chỉ vàng. Qua xác minh tại cửa hàng Vàng Bạc Thành Lập có địa chỉ: 70 đường Âu Cơ, phường Hồ, thị xã T đã xác định giá vàng ngày 12/7/2023 có giá 5.550.000 đồng/01 chỉ. Do vậy, 12 chỉ vàng tương ứng là 66.600.000 đồng. Xét thấy, chị T anh K đều thừa nhận 03 khoản nợ vay trên là nợ chung của hai vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội, ông C, bà C và buộc chị T và anh K có trách nhiệm trả các khoản nợ trên.

Như vậy, tổng số nợ chung mà anh K và chị T phải trả là 213.912.000 đồng.

[2.3.2] Về cách phân chia tài sản chung và công nợ chung được tính như sau:

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng chị T, anh Khơi có giá là 604.141.000 đồng. Số nợ chung của vợ chồng xác định được là 213.912.000 đồng. Do chị T và anh K đều xác nhận anh chị cùng tạo lập khối tài sản chung nêu trên trong thời kỳ hôn nhân và có công sức ngang nhau nên xác định mỗi người được hưởng 1/2 trị giá tài sản và trị giá tài sản này là phần sau khi đã trừ đi số tiền nợ chung của vợ chồng, cụ thể: 604.141.000 đồng - 213.912.000 đồng = 390.229.000 đồng : 2 = 195.114.500 đồng.

Mặt khác do ngôi nhà là tài sản gắn liền với thửa đất của anh K, anh K hiện đang quản lý, sử dụng ngôi nhà cùng các tài sản gồm 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave, BKS: 99F1-448.92; 01 bộ bàn ghế Âu Á; 01 tivi Sony 65 inch; 01 tủ lạnh Toshiba. Chị T đang quản lý, sử dụng 01 xe mô tô Honda Airblade, BKS: 99F1-507.91.

Xét thấy, cần giao cho anh K được quyền sở hữu toàn bộ khối tài sản mà anh K đang quản lý, sử dụng và buộc anh K phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng. Giao cho chị T được quyền sở hữu 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Airblade, BKS 99F1-507.91 do chị đang quản lý, sử dụng. Nhưng anh K có nghĩa vụ trích trả chị T tiền chênh lệch tài sản sau khi trừ trị giá chiếc xe mô tô

Honda nhãn hiệu Airblade BKS 99F1-507.91 mà chị T được sở hữu. Số tiền anh K phải trả cho chị T được tính cụ thể sau: 195.114.500 đồng - 26.000.000 đồng = 169.114.500 đồng.

Chị T được nhận số tiền 169.114.500 đồng chênh lệch về tài sản do anh K trả.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T và anh K mỗi người phải chịu và 9.755.725 đồng án phí chia tài sản có giá ngạch.

Do yêu cầu độc lập của Ngân hành chính sách xã hội Việt Nam, ông C và bà C được chấp nhận nên chị T anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147,157, 165, 201, khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 27, 37, 51, 55, 59, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự;; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Kim T và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Dương Thị Kim T và anh Nguyễn Văn K: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Bách, sinh ngày 25/5/2016 cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung:

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị T. Xác nhận 01 ngôi nhà cấp III loại 8, 02 tầng, 01 tum xây dựng trên một phần diện tích đất của thửa đất số548, tờ bản đồ số 10P, diện tích 213 m^2 tại Thôn N xã N, thị xã T, tỉnh B; người sử dụng thửa đất là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn N xã N, thị xã T, tỉnh B có giá là: 531.141.000 đồng; 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave, BKS: 99F1 - 448.92 mua năm 2018, có giá là 9.000.000 đồng; 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Airblade, BKS: 99F1-507.91 mua năm 2019 có giá 26.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế Âu Á mua năm 2020 có giá 25.000.000 đồng; 01 tivi sony 65 Inch mua năm 2020 có giá 10.000.000 đồng; 01 tủ lạnh Toshiba mua năm 2017 có giá 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 604.141.000 đồng, là tài sản chung của chị T và anh K.

- Giao cho anh K được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp III loại 8, 02 tầng, 01 tum, xây dựng trên một phần diện tích đất của thửa đất số 548, tờ bản đồ số 10P, diện tích 213 m^2 tại Thôn N xã N, thị xã T, tỉnh B; người sử dụng thửa đất là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn Nghiễm Dương xã N,

thị xã T, tỉnh B; 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave, BKS: 99F1-448.92; 01 bộ bàn ghế Âu Á; 01 tivi sony 65 inch; 01 tủ lạnh Toshiba. Giao cho chị T được quyền sở hữu 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Airblade, BKS: 99F1 - 507.91.

- Buộc anh K có nghĩa vụ thanh toán trả chị T số tiền chênh lệch tài sản là 169.114.500 đồng. Chị T được nhận số tiền 169.114.500 đồng do anh K trả.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu K kiện của Ngân hành chính sách xã hội Việt Nam - chi nhánh B; của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C. Buộc anh K phải có nghĩa vụ trả ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến 12/7/2023 là 62.312.000 đồng, trả ông Nguyễn Văn C số tiền 35.000.000 đồng và trả bà Nguyễn Thị C số tiền 116.600.000 đồng. Tổng là 213.912.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc chị T và anh K mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản. Anh K phải trả chị T số tiền 2.500.000 đồng chi phí xem xétthẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản mà chị T đã nộp.

6. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 9.755.725 đồng án phí chia tài sản có giá ngạch. Nhưng được trừ vào số tiền 14.300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005772 ngày 02/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Anh K phải chịu 9.755.725 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Chị T và anh K mỗi người phải chịu số tiền án phí đối với yêu cầu của người có yêu cầu độc lập được chấp nhận là 5.347.800 đồng.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã T;
- VKSND thị xã Tỉnh B;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND xã N;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Xuân Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Đình Quế Nguyễn Đăng Dũng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 50 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2022.

Tại: Toà án nhân dân huyện T.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế và ông Nguyễn Đăng Dũng.

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số:128/2021/TLST - HNGĐ, ngày 12/8/2021 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" giữa:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyên, sinh năm 1991.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Nho Tuyến, sinh năm 1989.

Đều nơi cư trú: Thôn Lạc Hoài, xã Song Hồ, huyện T, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách huyện T.

-Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (gọi tắt là Ngân hàng SHB)

Địa chỉ: Số 77, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung Thắng - Phó trưởng phòng phụ trách phòng KHCN - Phòng KHCN chi nhánh SHB B,Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Căn cứ các Điều 27, 37, 51, 55, 59, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 213, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm c Điều 217, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Biểu quyết nhất trí 3/3*.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyên và anh Nguyễn Nho Tuyến. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

3. Về con chung:Giao con chung là Nguyễn Nho Nam Phong, sinh ngày 10/5/2017 cho chị Tuyên được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Nho Hoàng Anh, sinh ngày 05/3/2014 cho anh Tuyến được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Tuyên anh Tuyến có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

4. Về tài sản chung: Xác nhận số tiền 50.000.000 đồng anh Tuyến đang quản lý là tài sản chung của vợ chồng chị Tuyên anh Tuyến. Buộc anh Tuyến phải nghĩa vụ trích trả tiền chênh lệch tài sản cho chị Tuyên số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn).

5. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - chi nhánh B. Tính đến 27/6/2022 chị Tuyên anh Tuyến còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và lãi 93.699 đồng. Buộc chị Tuyên anh Tuyến mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 10.046.849 đồng.

Kể từ ngày 27/6/2022 chị Tuyên anh Tuyến còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

6. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng SHB buộc chị Tuyên anh Tuyến phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng số tiền vay gốc và khoản lãi phát sinh còn nợ là 95.418.976 đồng. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Biểu quyết nhất trí 3/3.

7. Về án phí: Chị Tuyên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Tuyên đã nộp theo biên lai số AA/2020/0003864 ngày 12/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận Tuyên đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

Chị Tuyên phải chịu 1.502.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Xác nhận chị Tuyên đã nộp tạm ứng số tiền 1.250.000 đồng tại Chi cục Thi hành án hình sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0005536 ngày 11/5/2022.

Anh Tuyến phải chịu 2.002.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Trả lại Ngân hàng SHB số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai sốAA/2021/0005428 ngày 25/01/2022tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

8. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. *Biểu quyết nhất trí 3/3*.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 20 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ.**

Nguyễn Đình Quế **Nguyễn Đăng Dũng** **Phạm Xuân Hà**